

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 429/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết:

- Ông **Trần Nguyễn Thiếu N**, sinh năm 1979; căn cước công dân số: 046079013221; địa chỉ: Số A M, phường T, thành phố H.

- Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 046187009199; địa chỉ: Số A A, phường A, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Nguyễn Thiếu N và bà Trần Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố H (nay là UBND phường T, thành phố H) vào ngày 18/6/2025. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Nay, vợ chồng không còn tình cảm nên hai người làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của ông Trần Nguyễn Thiếu N và bà Trần Thị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Nguyễn Thiếu N và bà Trần Thị H.

[2] Về con chung: Ông Trần Nguyễn Thiếu N và bà Trần Thị H có 01 (một) con chung là cháu Trần Minh A, sinh ngày: 02/12/2024. Các đương sự thỏa thuận, bà Trần Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Minh A. Ông Trần Nguyễn Thiếu N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thời hạn nuôi con, cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Minh A thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Nguyễn Thiếu N và bà Trần Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Nguyễn Thiếu N, bà Trần Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Trần Nguyễn Thiếu N và bà Trần Thị H.

- Về con chung: Ông Trần Nguyễn Thiếu N và bà Trần Thị H có 01 (một) con chung là cháu Trần Minh A, sinh ngày: 02/12/2024.

Bà Trần Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Minh A. Ông Trần Nguyễn Thiếu N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thời hạn nuôi con, cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Minh A thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Nguyễn Thiếu N và bà Trần Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Nguyễn Thiếu N và bà Trần Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông N, bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001972 ngày 10

tháng 6 năm 2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố H. Ông N và bà H đã nộp đủ.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 1 – Huế;
- Thi hành án Dân sự thành phố Huế;
- UBND phường Thủy Xuân;
- (ĐKKH số: 46, ngày 18/6/2025,
- UBND phường Thủy Xuân cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Vũ Tiến